

Số: /BC-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn huyện

Thực hiện Văn bản số 433/TL-KTTL ngày 02/4/2024 của Cục Thủy lợi về việc Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi; Văn bản số 1063/SNN-KHTH ngày 08/4/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh về việc Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi;

Qua rà soát, UBND huyện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi trên địa bàn huyện, nội dung như sau:

1. Tình hình, quá trình triển khai thực hiện chính sách giai đoạn từ năm 2020 -2023 trên địa bàn huyện

- Đối với cấp huyện đang thực hiện theo phương thức đặt hàng giữa Phòng Nông nghiệp và PTNT và các chủ thể khai thác công trình thủy lợi.

- Tổ chức khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, vào tháng 10 hàng năm, lập Bảng kê diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước từng vụ trong năm có ký xác nhận của từng hộ và được UBND xã xác nhận, tổng hợp gửi Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT kiểm tra rà soát diện tích trong bảng kê do Hợp tác xã, Tổ dùng nước lập theo địa bàn xã và trên cơ sở tổng hợp của UBND các xã trình UBND cấp huyện phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí; đồng thời, chịu trách nhiệm tổng hợp diện tích miễn thủy lợi phí trình UBND huyện ký gửi Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp toàn tỉnh.

- Duyệt dự toán, cấp phát, quản lý thanh quyết toán kinh phí cho các tổ chức khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Quá trình nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; xây dựng dự toán kinh phí; quyết toán, thanh toán; cấp kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi. Trình tự xác nhận đối tượng và diện tích đất được miễn thủy lợi phí.

- Trên cơ sở hợp đồng và nguồn kinh phí được cấp, bảng kê diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước từng vụ trong năm có ký xác nhận của từng hộ và được UBND xã xác nhận, Phòng Nông nghiệp và PTNT trình UBND chuyển tổ chức nghiệm thu diện tích thực hiện, làm cơ sở cho việc thanh lý hợp đồng.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổ chức quyết toán với các tổ chức khai thác công trình thủy lợi và quyết toán kinh phí hàng năm với Sở Tài chính tỉnh.

- Hàng năm, nếu có biến động về diện tích đất, mặt nước được miễn thủy lợi phí thì UBND huyện chủ động báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT để trình UBND tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh, bổ sung.

- Sau khi UBND tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch tưới tiêu, cấp nước, thì giao kinh phí cho UBND huyện phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo 03 đợt: Đợt 1 chi từ 50%-60%; đợt 2 chi tiếp đến 60%-80%; đợt 3 chi phần còn lại sau khi có báo cáo kết quả thực hiện quyết toán diện tích, kinh phí thực hiện trong năm thực hiện.

- Giám sát việc thực hiện thu, chi, thanh quyết toán các khoản hỗ trợ: Phòng Tài chính huyện giám sát việc thực hiện thu, chi, thanh quyết toán các khoản hỗ trợ và báo cáo Sở Tài chính để kiểm tra, tổng hợp tình hình quyết toán nguồn ngân sách được cấp.

2. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

- Mức hỗ trợ, kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 2020- 2023 là thấp chưa đủ kinh phí cho các hoạt động vận hành, duy tu, bảo dưỡng,... theo quy định của Luật Thủy lợi

- Chính sách hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã được Trung ương quy định ở khung giá trần và tỉnh cũng áp dụng theo khung giá từ năm 2020 đến giờ vẫn không thay đổi. Trong khi đó tổ chức hợp tác dùng nước là chi phí về tiền nhân công, chi phí nguyên vật liệu đầu vào, nhất là chi phí về tiền điện là gia tăng theo từng năm trong khi đó tiền cấp bù không thay đổi trong suốt thời gian từ 2020 đến 2023”.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Kiến nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn về hồ sơ phương án giá (tối đa, khung giá, giá cụ thể); trình tự, thủ tục ban hành giá trong thời gian chuyển tiếp phù hợp với chính sách về giá và quy định pháp luật hiện hành.

- Ban hành Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 theo giá thực tế vì hiện nay chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu đầu vào, nhất là chi phí về tiền điện là gia tăng theo từng năm như hiện nay.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi trên địa bàn huyện, UBND huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTN tỉnh (để tổng hợp);
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Xuân);
- Các Phòng: NN và PTNT, TC – KH;
- CVP, PCVP KT;
- Lưu: VT, K1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc xuân

Biểu 1: TỔNG HỢP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI CỦA HUYỆN NĂM 2023-2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1.	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi				
a)	Diện tích tưới tiêu chung		5.244,49	4.912,15	
-	Diện tích lúa cả năm	<i>ha/năm</i>	4.885,35	4.441,55	
-	Rau, màu, cây công nghiệp NN	<i>ha/năm</i>	161,56	273,02	
-	Nuôi trồng thủy sản	<i>ha/năm</i>	197,58	197,58	
2.	Doanh thu				
a)	Doanh thu từ Ngân sách TW				
	Hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi	<i>1.000 đồng/năm</i>	4.802.899	4.603.450	